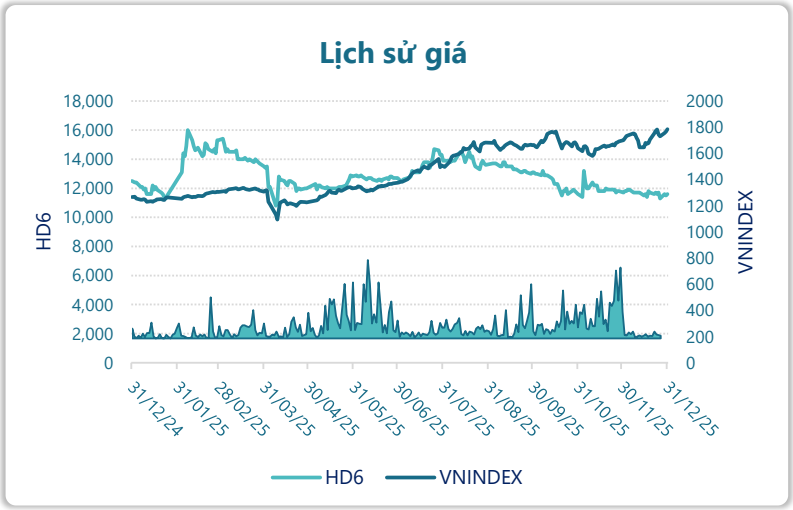
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,705
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	175
P/E	70.9
EPS	164

DT thuần

Q4/25

98.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 75.4| 321%

YoY: ▼490| -83.2%

LN sau thuế

Q4/25

3.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.08| 2051%

YoY: ▼72.4| -95.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.3%

+/- YoY: ▼ 5.5%

DT thuần

2025

156

tỷ VNĐ

YoY: ▼750| -82.8%

LN sau thuế

2025

4.79

tỷ VNĐ

YoY: ▼75.9| -94.1%

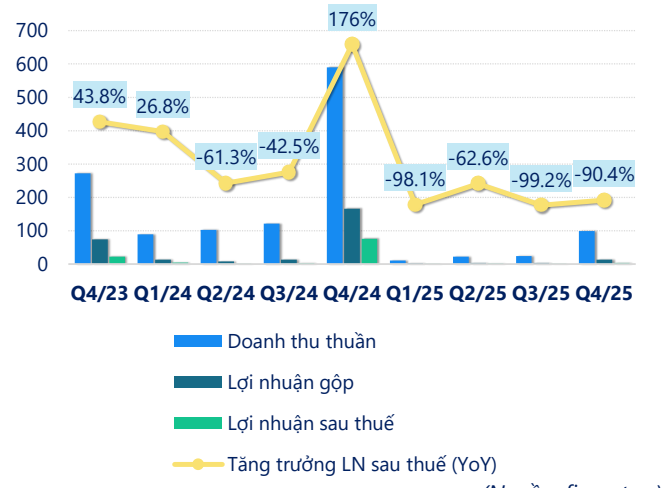
ROE

2025

0.6%

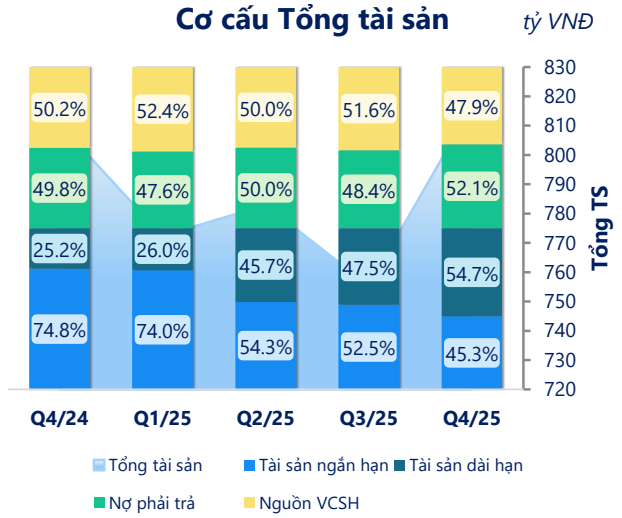
+/- YoY: ▼ 13.8%

Kết quả kinh doanh



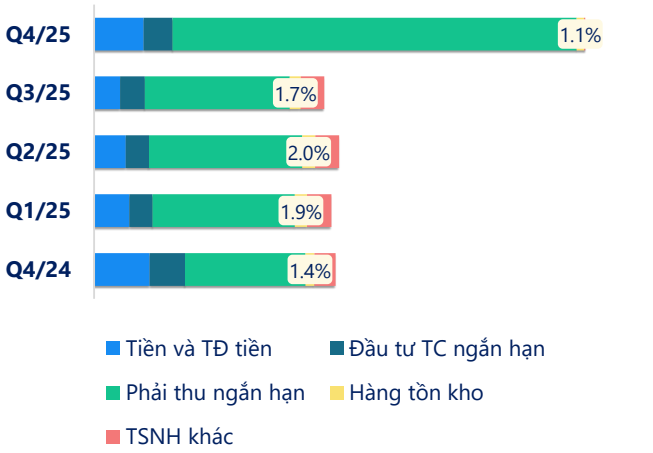
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



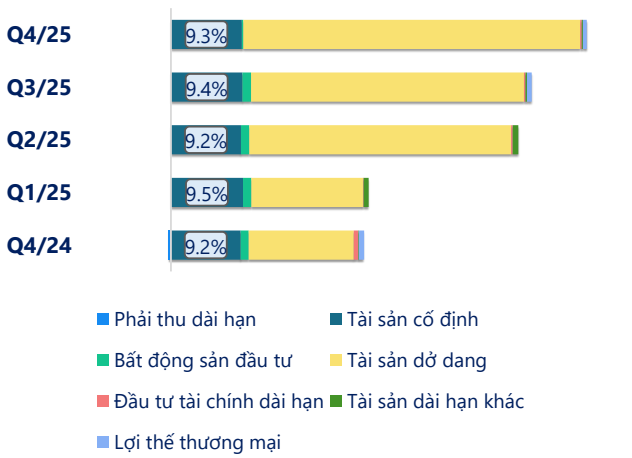
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



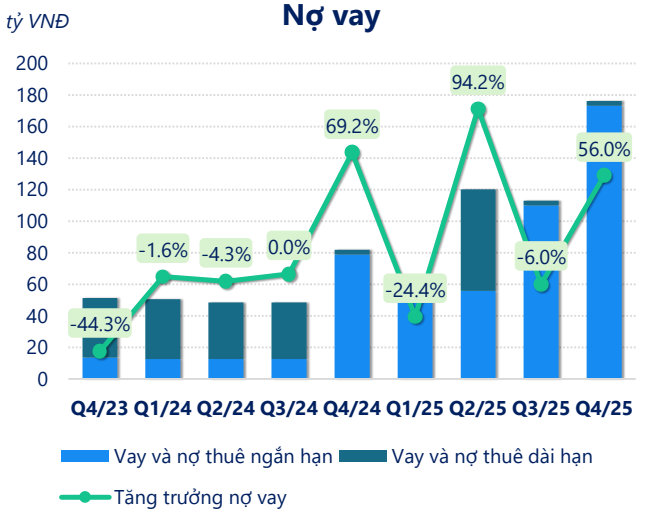
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



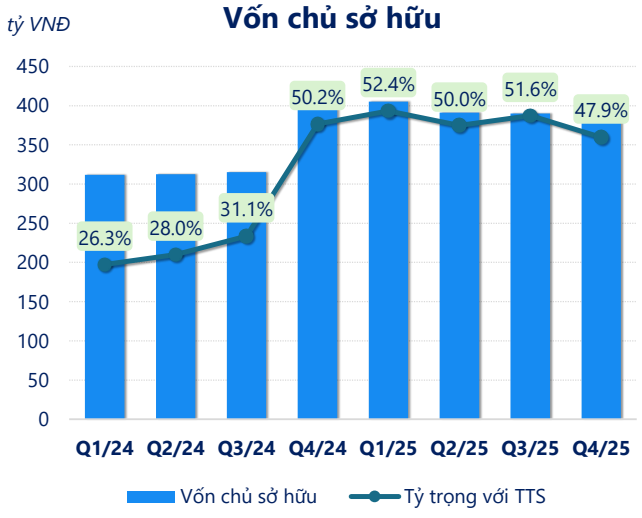
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



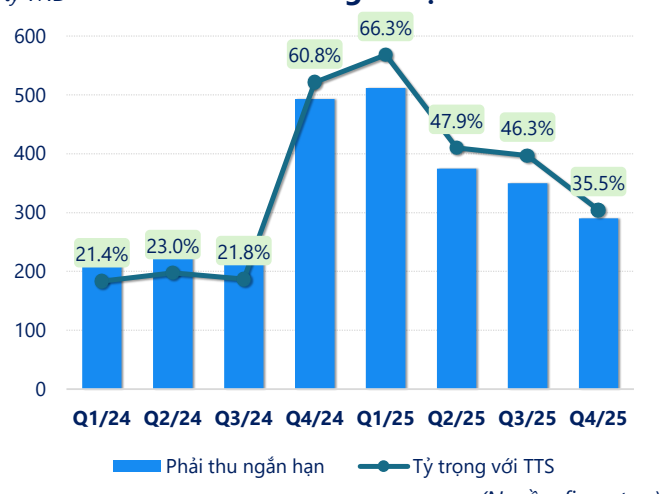
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



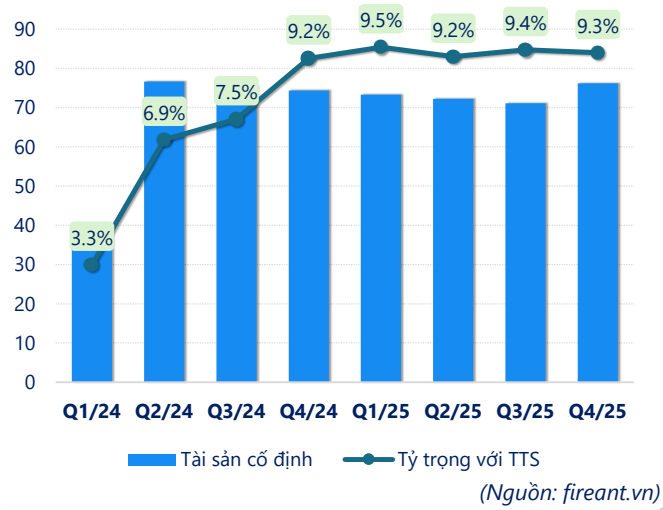
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



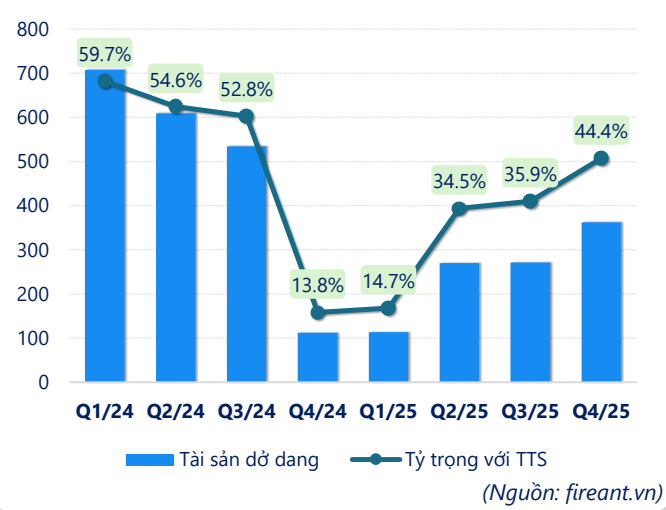
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



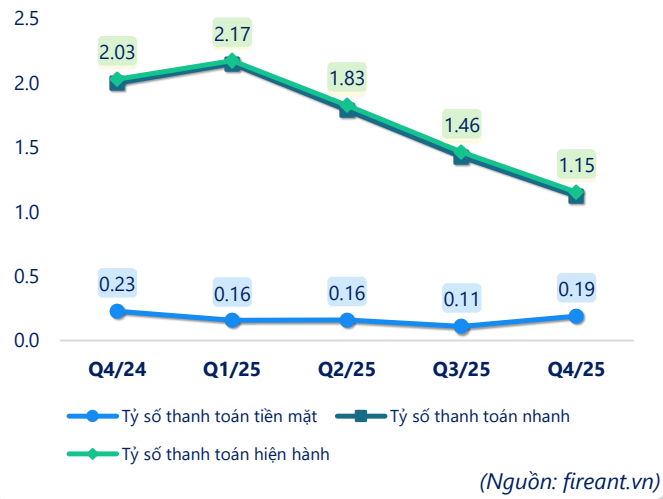
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



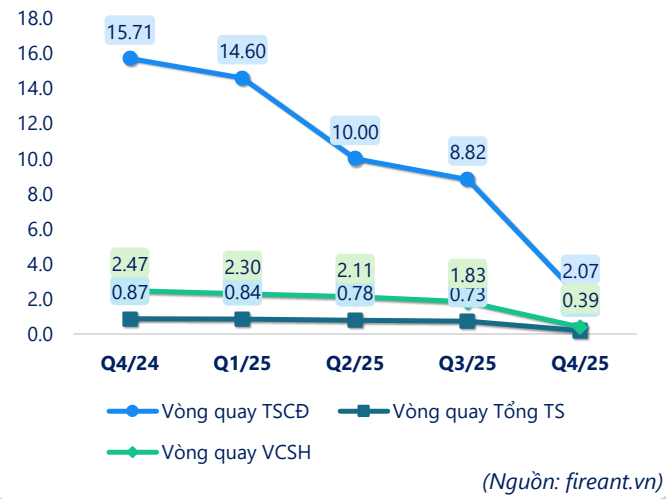
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**811**	**772**	**783**	**755**	**817**
Tài sản ngắn hạn	**606**	**571**	**425**	**397**	**370**
Tiền và tương đương tiền	67.8	41.0	37.3	29.7	60.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.2	9.19	0	0	0.50
Phải thu ngắn hạn	493	512	375	350	290
Hàng tồn kho	9.12	6.20	9.06	10.5	9.73
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	2.93	3.91	6.60	8.46
Tài sản dài hạn	**204**	**201**	**358**	**359**	**447**
Phải thu dài hạn	-2.02	0	0	0	0
Tài sản cố định	74.4	73.3	72.2	71.1	76.2
Bất động sản đầu tư	8.61	8.61	8.65	8.65	1.62
Tài sản dở dang	112	113	270	271	362
Đầu tư tài chính dài hạn	4.60	0.60	1.49	1.49	1.49
Tài sản dài hạn khác	0.76	5.27	5.76	1.67	1.19
Lợi thế thương mại	5.56	0	0	4.51	4.16
Nợ phải trả	**403**	**367**	**392**	**365**	**425**
Nợ ngắn hạn	**299**	**263**	**233**	**271**	**321**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.8	58.8	55.8	110	173
Phải trả người bán ngắn hạn	52.6	45.3	22.0	18.5	13.4
Nợ dài hạn	104	104	159	94.3	104
Vay và nợ thuê dài hạn	3.03	3.03	64.3	3.03	3.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	**407**	**405**	**391**	**390**	**391**
Vốn chủ sở hữu	**407**	**405**	**391**	**390**	**391**
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)